



# Hoàn thiện chính sách pháp luật để quản lý hiệu quả tài nguyên nước

MAI THỊ THU HUỆ

Viện Khoa học môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

## MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ BVMT NƯỚC TRONG LUẬT BVMT NĂM 2020

Để kiểm soát hiệu quả nguồn TNN, Luật BVMT năm 2020 đã đề cập đầy đủ, toàn diện về quản lý, sử dụng, nâng cao chất lượng và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên, giải quyết được những yêu cầu của thực tiễn hiện nay về công tác BVMT nước.

*Thứ nhất*, Điều 7 quy định về nguyên tắc BVMT nước sông là phải trên cơ sở tiếp cận quản lý tổng hợp theo lưu vực, phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, BVMT thủy sinh, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước. Quy định mới này khá toàn diện, thể hiện đầy đủ các thành phần cấu thành môi trường nước cũng như mối tương quan giữa các thành phần của môi trường nước. Quy định cũng thể hiện rõ nguyên tắc quản lý môi trường nước sông phải theo không gian từ thượng lưu đến hạ lưu, đồng thời bao gồm các thành phần tạo nên môi trường nước sông.

*Thứ hai*, Điều 7 cũng quy định về nguồn thải vào môi trường nước. Theo đó, nguồn thải vào môi trường nước mặt phải được quản lý phù hợp với mục đích sử dụng và khả năng chịu tải của nguồn nước. Không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào nguồn nước mặt không còn khả năng chịu tải theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào môi trường tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải, hoặc trường hợp dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm. Trước thực tế hiện nay, môi trường nước ở nhiều khu vực đã bị ô nhiễm, nguồn nước không còn khả năng chịu tải nhưng hàng ngày vẫn phải tiếp nhận một lượng lớn nước thải. Tuy nhiên, những khu vực này lại là những khu vực có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đặc biệt là các ngành sản xuất công nghiệp, do vậy, vẫn tiếp tục có các dự án đầu tư mới vào khu vực. Quy định này là cơ sở pháp lý rõ ràng để các doanh nghiệp xem xét, quyết định việc đầu tư loại hình, công nghệ sản xuất phù hợp cũng như đầu tư các biện pháp, công trình BVMT tốt nhất, đồng thời cũng là căn cứ pháp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án đầu tư, các cơ quan quản lý môi trường yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp các biện pháp BVMT. Có thể nói đây là quy định thể hiện rõ định hướng, quan điểm

không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế, phát triển kinh tế hài hòa với BVMT.

*Thứ ba*, Điều 9 quy định về kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt. Đây là quy định mới được đưa vào Luật BVMT năm 2020. Trên thế giới, một số quốc gia bảo vệ tốt môi trường nước đều thực hiện các hoạt động, biện pháp quản lý căn cứ theo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt được xây dựng định kỳ hàng năm hoặc 5 năm. Các hoạt động BVMT nước mặt sẽ được xác định cụ thể trong các kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt làm cơ sở để triển khai thực hiện. Nội dung kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt bao gồm việc đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải và xác định các mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước không còn khả năng chịu tải. Đây là một trong những nội dung quan trọng và đóng vai trò chủ đạo phục vụ công tác BVMT nước, khi xây dựng được nội dung này một cách chi tiết, cụ thể trong kế hoạch thì công tác quản lý môi trường nước sẽ đạt hiệu quả cao.

*Thứ tư*, về phân công trách nhiệm BVMT nước mặt, Điều 8 Luật BVMT năm 2020 cũng quy định rõ dựa trên nguyên tắc quản lý tổng hợp, thống nhất, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện: Bộ TN&MT có trách nhiệm hướng dẫn đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với lưu vực sông, hồ; hướng dẫn đánh giá chất lượng môi trường nước mặt; tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với các lưu vực sông, hồ liên tỉnh; tổ chức kiểm kê, đánh giá các nguồn thải, mức độ ô nhiễm và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông, hồ liên tỉnh; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ liên tỉnh và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, BVMT; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ liên tỉnh và giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, cải thiện chất lượng nước tại lưu vực sông, hồ liên tỉnh.

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xác định các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, BVMT; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, lập hành lang bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn; công khai thông tin các nguồn thải vào môi trường nước mặt trên địa bàn; thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước thuộc lưu vực sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ TN&MT. Các địa phương chỉ đạo tổ chức



đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt trên địa bàn theo quy định; tổ chức hoạt động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn thải vào nguồn nước mặt trên địa bàn; thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt, cải thiện chất lượng nước mặt trên địa bàn theo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt; tổ chức đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, công bố thông tin về nguồn nước mặt trên địa bàn không còn khả năng chịu tải; tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ nội tỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn. Như vậy, việc quy định rõ trách nhiệm của Bộ TN&MT và UBND cấp tỉnh về BVMT nước mặt đã giải quyết được vấn đề chồng chéo trong công tác quản lý môi trường nước thời gian vừa qua, đảm bảo sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Trước đây, việc cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi do Bộ NN&PTNT thực hiện theo pháp luật về thủy lợi, toàn bộ lượng nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi, Bộ TN&MT không kiểm soát được trước khi chảy ra các sông, suối tác động đến chất lượng nguồn nước và các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông. Điểm mới của Luật BVMT năm 2020 đã quy định giấy phép “xả nước thải vào công trình thủy lợi” sẽ được tích hợp vào “Giấy phép môi trường”. Việc cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật BVMT năm 2020 và Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT năm 2020 sẽ tháo gỡ những khó khăn cho công tác quản lý của ngành TN&MT hiện nay.

## ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ TNN

Để đáp ứng yêu cầu về BVMT đặt ra trong giai đoạn phát triển mới, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, đồng thời để thống nhất quản lý về TNN, đảm bảo an ninh nguồn nước, cần quan tâm đến những vấn đề sau trong Luật TNN (sửa đổi):

*Một là*, vấn đề bảo đảm an ninh TNN quốc gia trong thời gian tới cần phải được xem xét và quy định cụ thể trong Luật TNN sửa đổi, trong đó nghiên cứu, bổ sung và luật hóa các quy định về thể chế, bao hàm cả các nguyên tắc thực thi, ứng xử và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương một cách đồng bộ, tổng thể hay nói cách khác sẽ tích hợp các quy định về quản lý nước trong một bộ Luật trên cơ sở thống nhất quản lý về TNN. Điều này nhằm giải quyết dứt điểm tình trạng chồng chéo trong quản lý, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, quản lý hoạt động khai thác, quản lý hệ thống cấp nước, xử lý nước thải,... và cũng có thể hiểu là quản lý TNN sẽ quản lý nước từ “nguồn” tới

“vòi” để bảo đảm an ninh TNN quốc gia, bảo vệ nguồn nước, giảm tối đa sự phụ thuộc vào nguồn nước nước ngoài và chủ động về nước trong mọi tình huống.

*Hai là*, để bảo đảm giảm thiểu tác động đến nguồn nước của việc khai thác, sử dụng của các công trình khai thác nước dưới đất đã được cấp phép (nhiều công trình chỉ sử dụng nước vào mùa khô) ở vùng hạn chế và bảo đảm cung cấp đủ nguồn nước cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở hiện tại và trong tương lai trong bối cảnh thiếu hụt nguồn nước thay thế (nguồn nước mặt), đặc biệt là trong mùa khô thì cần thiết phải có các giải pháp và quy định trách nhiệm trong việc bổ cập nước dưới đất từ nguồn nước mưa, nước mặt trong mùa mưa vào các tầng chứa nước và sử dụng trong mùa khô khi không có nước mưa, nước mặt.

*Ba là*, để thực hiện các giải pháp công trình thu trữ nước mưa chống ngập đô thị nhằm phòng chống, giảm thiểu và thích ứng với thiên tai lũ lụt tại các đô thị, cần có quy định, hình thành khung cơ sở pháp lý quy định rõ trong Luật và các văn bản dưới Luật có liên quan về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, các đơn vị liên quan từ Trung ương đến địa phương để giải quyết được hiệu quả vấn đề ngập lụt thành phố hiện nay.

*Bốn là*, đối với xây dựng mạng lưới trạm quan trắc, quản lý, vận hành các mạng quan trắc TNN ở Trung ương và địa phương đều do các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thực hiện. Do thiếu nguồn lực (nhân lực, tài chính) nên mạng quan trắc TNN của Trung ương hiện nay còn tương đối hạn chế, còn lại hầu hết các địa phương chưa xây dựng mạng quan trắc TNN của địa phương. Trong khi đó, vấn đề này hoàn toàn có thể thực hiện việc xã hội hóa bằng cách Nhà nước xây dựng thể chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng quan trắc và cơ quan quản lý nhà nước đặt hàng mua số liệu quan trắc TNN của doanh nghiệp tư nhân nhằm giảm chi phí, nguồn lực của Nhà nước.

*Năm là*, việc xác định nước là một nguyên liệu đầu vào và tính toán đầy đủ chi phí cấu thành sản xuất một sản phẩm, trong đó bao gồm cả chi phí liên quan đến nước (nước được coi là nguyên liệu đầu vào tính toán) là rất cần thiết. Do đó, cần sớm xác định nội dung và định hướng cụ thể trong Luật để làm rõ giá trị kinh tế, giá trị hàng hóa (ngoài giá trị xã hội) và nâng cao giá trị đóng góp của TNN trong phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cần xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện “dùng nước, sử dụng nước của quốc gia thì phải trả tiền”. Đây là vấn đề mới nhưng đã trở thành cấp thiết hiện nay nhằm bảo đảm phát triển bền vững TNN■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ TN&MT, 2021, Báo cáo số 107/BC-TNMT ngày 23/11/2021 Báo cáo Đánh giá tác động chính sách Dự án Luật TNN (sửa đổi).
2. Luật BVMT năm 2020.
3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
4. Quyết định số 1622/QĐ-TTg Quy hoạch TNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.